



CẬP NHẬT QUÝ

Công ty Cổ phần Đầu tư Điện máy Xanh (DMX: HOSE)

Giá mục tiêu: 82.800 Đồng

Khuyến nghị: TRUNG LẬP

Tăng giá: 8,9%

Ngày 21/09/2026



Tăng trưởng lợi nhuận tích cực trong năm 2026, nhưng dự kiến chậm lại trong năm 2027

Chúng tôi nâng giá mục tiêu 12 tháng đối với DMX lên **82.800 đồng/cổ phiếu**, từ 78.000 đồng/cổ phiếu, do chuyển cơ sở định giá sang năm 2027. Với tiềm năng tăng giá khoảng 9%, chúng tôi duy trì khuyến nghị **TRUNG LẬP**. Sau nhịp giảm gần đây, cổ phiếu DMX hiện đang giao dịch ở mức P/E dự phóng 2026-2027 là 9,6x và 9,1x, tương đối hấp dẫn so với nhiều doanh nghiệp cùng ngành.

Luận điểm đầu tư

- Vị thế dẫn đầu mảng bán lẻ sản phẩm công nghệ & điện máy** giúp DMX có nền tảng thuận lợi để mở rộng sang các mảng dịch vụ có biên lợi nhuận cao hơn như thanh toán hóa đơn, ngân hàng đại lý, dịch vụ kỹ thuật và thương mại điện tử.
- Cơ hội tăng trưởng dài hạn từ EraBlue tại Indonesia.** EraBlue tiếp tục đẩy nhanh mở mới cửa hàng tại thị trường Indonesia, nơi tỷ lệ thâm nhập của kênh bán lẻ hiện đại vẫn dưới 10%, góp phần tạo dư địa cho việc mở rộng mạng lưới cửa hàng trong dài hạn. Tuy nhiên, chuỗi Erablue hiện vẫn đang ở giai đoạn đầu phát triển và hiện đóng góp không đáng kể vào lợi nhuận hợp nhất tập đoàn.
- Bảng cân đối kế toán vững góp phần ổn định tài chính.** DMX sở hữu lượng tiền mặt dồi dào, góp phần củng cố triển vọng tài chính trước bối cảnh lãi suất tăng cao, đồng thời hỗ trợ duy trì chính sách cổ tức ổn định.
- Chúng tôi dự báo tăng trưởng lợi nhuận năm 2026 đạt 71% svck**, được hỗ trợ bởi nhiều yếu tố thuận lợi trong ngắn hạn, bao gồm chu kỳ nâng cấp thiết bị nhờ AI, các sự kiện bóng đá lớn, thời tiết nắng nóng, và lượng hàng tồn kho có giá vốn thấp. Chúng tôi dự kiến tăng trưởng sẽ chậm lại còn **6% svck trong năm 2027** khi không còn những yếu tố hỗ trợ.

Điểm nhấn KQKD

- Doanh thu Q2/2026 tăng 26% svck lên 32,7 nghìn tỷ đồng.** Lợi nhuận ròng tăng 98% svck lên 2,66 nghìn tỷ đồng, đưa biên lợi nhuận ròng lên mức cao kỷ lục **8,1%**.
- Erablue đẩy nhanh mở rộng mạng lưới cửa hàng.** Doanh thu của EraBlue tăng 85% svck trong Q2/2026. Ban lãnh đạo đặt mục tiêu đạt 500 cửa hàng vào năm 2027 và 1.000 cửa hàng vào năm 2030. Tuy vậy, đóng góp lợi nhuận của chuỗi này hiện còn hạn chế.
- Tăng trưởng chậm lại trong tháng 7-8.** Tốc độ tăng trưởng doanh thu giảm xuống 23% svck, phản ánh nhu cầu tiêu dùng bình thường trở lại sau đợt tăng mạnh.

**Rủi ro:** (1) Rủi ro pha loãng từ trái phiếu kèm chứng quyền, phụ thuộc vào việc được cổ đông thông qua tại ĐHĐCĐ bất thường sắp tới. (2) Tiêu dùng không thiết yếu suy giảm trong bối cảnh lãi suất duy trì ở mức cao.

| Tỷ đồng                     | 2024   | 2025    | 2026F   | 2027F   |
|-----------------------------|--------|---------|---------|---------|
| Doanh thu thuần             | 93.357 | 109.479 | 131.343 | 140.677 |
| Tăng trưởng doanh thu thuần | 7,5%   | 17,3%   | 20,0%   | 7,1%    |
| Biên lợi nhuận gộp          | 18,3%  | 17,8%   | 19,3%   | 18,6%   |
| NPATMI                      | 3.717  | 5.802   | 9.937   | 10.501  |
| EPS (VND)                   | 2.932  | 4.577   | 7.839   | 8.283   |
| Tăng trưởng EPS             | 176,2% | 56,1%   | 71,3%   | 5,7%    |
| Nợ/VCSH (x)                 | 1,02   | 1,32    | 1,30    | 1,19    |
| Tỷ suất cổ tức (%)          | N,a    | N,a     | 6%      | 7%      |
| ROE                         | 19,5%  | 31,1%   | 47,9%   | 40,7%   |
| P/E (x)                     | 27,3   | 17,5    | 9,6     | 9,1     |
| P/B (x)                     | 5,2    | 5,7     | 4,0     | 3,4     |
| EV/EBITDA                   | 15,0   | 11,2    | 6,2     | 5,8     |

Nguồn: DMX, SSI Research

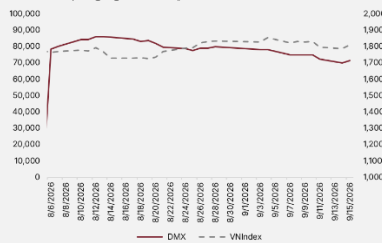
Nguyễn Trần Phương Nga

Trưởng phòng Phân tích Cổ phiếu

[ngantp@ssi.com.vn](mailto:ngantp@ssi.com.vn)

|                             |        |
|-----------------------------|--------|
| Giá CP - VND (18/09/26)     | 76.000 |
| Vốn hóa (USDmn):            | 3.682  |
| SLCP lưu hành (triệu cp):   | 1.268  |
| KLGD TB 3 tháng (triệu cp): | N.a    |
| Giá cao/thấp 52T (k VND):   | N.a    |
| GTGD TB 3 tháng (USDmn):    | N.a    |
| Tỷ lệ SHNN (%):             | 9,1    |
| GTNN còn được mua (USDmn):  | 1469,8 |
| Tỷ lệ sở hữu nhà nước (%):  | 0,0    |

Biến động giá cổ phiếu



Nguồn: SSI Research

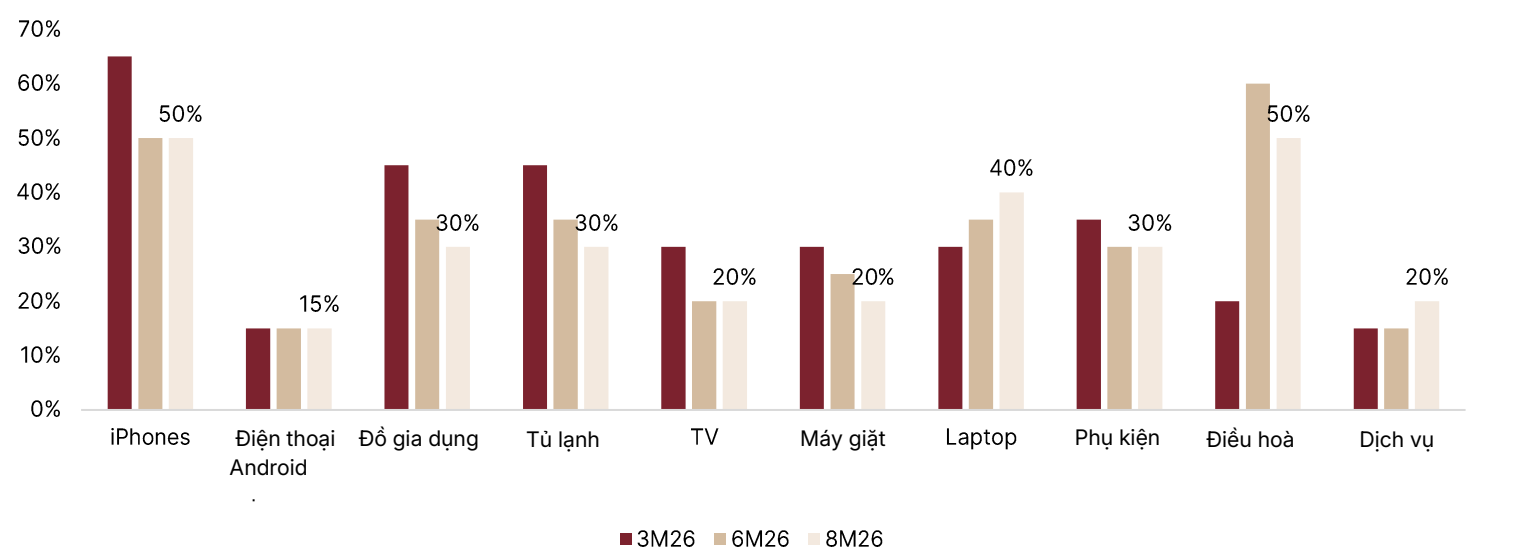
Thông tin cơ bản về công ty

Công ty Cổ phần Đầu tư Điện máy Xanh (DMX), công ty con của Tập đoàn Thế Giới Di Động, vận hành chuỗi bán lẻ sản phẩm công nghệ & điện máy hàng đầu tại Việt Nam. Tính đến Q1/2026, DMX sở hữu hơn 3.000 cửa hàng trên toàn quốc. Công ty ước tính nắm giữ khoảng 50-55% thị phần điện thoại di động và 35-40% thị phần điện máy, qua đó khẳng định vị thế dẫn đầu trên thị trường bán lẻ Việt Nam.

Cập nhật KQKD Q2/2026

Trong Q2/2026, doanh thu đạt 32,7 nghìn tỷ đồng (+26% svck, LFL +29%), với tất cả ngành hàng đều ghi nhận tăng trưởng. Lũy kế 6T2026, doanh thu đạt 65,3 nghìn tỷ đồng (+27% svck, LFL +31%). **Tăng trưởng của hàng cũ (LFL) của DMX đạt 31% svck, cao hơn mức tăng trưởng 25% của toàn ngành (theo công ty),** được thúc đẩy bởi sản lượng tiêu thụ tăng 10% và giá bán bình quân tăng 13%. Các giải pháp tài chính cạnh tranh và linh hoạt, bao gồm chương trình trả góp lãi suất 0%, đã giúp thu hút khách hàng và hỗ trợ DMX đạt mức tăng trưởng vượt trội so với toàn ngành. Lũy kế 6T2026, doanh thu từ bán hàng trả góp của DMX tăng 49% svck và đóng góp 38% vào tổng doanh thu.

Biểu đồ: Tăng trưởng doanh thu theo ngành hàng



Nguồn: DMX

**Biên lợi nhuận gộp tăng từ 17,5% trong Q2/2025 và 19,2% trong Q1/2026 lên 21,1% trong Q2/2026,** nhờ giá bán sản phẩm công nghệ tăng trong bối cảnh thiếu hụt RAM và chip, trong khi DMX được hưởng lợi từ lượng hàng tồn kho giá thấp. Với vị thế dẫn đầu thị trường bán lẻ sản phẩm công nghệ & điện máy, quy mô hoạt động và quyền thương lượng của DMX cho phép công ty đặt hàng với khối lượng lớn ở mức giá thuận lợi, qua đó hưởng lợi từ biên lợi nhuận cao hơn khi các nhà sản xuất tăng giá bán lẻ thiết bị. Chúng tôi lưu ý lợi thế chi phí của các đối thủ thương mại điện tử đã dần thu hẹp khi từ tháng 7/2025, các doanh nghiệp chuyển sang nộp thuế dựa trên doanh thu thay vì hình thức thuế khoán như trước. Ngoài ra, các doanh nghiệp này cũng đang phải đối mặt với phí hoa hồng cao hơn từ các sàn thương mại điện tử. Trong bối cảnh cạnh tranh bất gay gắt, DMX có thể chuyển phần chi phí gia tăng sang khách hàng thông qua việc tăng giá bán.

**Lợi nhuận ròng tăng mạnh lên 2,66 nghìn tỷ đồng (+98% svck, LFL +85%), với biên lợi nhuận ròng đạt mức cao kỷ lục 8,1% trong Q2/2026,** vượt mức ghi nhận năm 2021 khi DMX hưởng lợi từ nhu cầu đối với điện thoại di động và laptop tăng mạnh. Đòn bẩy hoạt động cải thiện khi công ty không mở thêm cửa hàng mới nhưng vẫn duy trì tăng trưởng doanh thu trên cửa hàng hiện hữu (SSSG) tích cực ở mức +32% svck trong 6T2026.

**EraBlue** (chuỗi bán lẻ sản phẩm công nghệ & điện máy tại Indonesia, được ghi nhận dưới lợi nhuận từ công ty liên doanh) tiếp tục đẩy nhanh mở rộng mạng lưới, hỗ trợ doanh thu tăng mạnh 85% svck trong Q2/2026, sau khi đã tăng 100% svck trong Q1/2026. Tính đến tháng 6-8/2026, chuỗi Erablue đã tăng lên 261-307 cửa hàng (so với 181 cửa hàng vào đầu năm 2026) và dự kiến duy trì tốc độ mở rộng cửa hàng, với mục tiêu đạt 500 cửa hàng vào năm 2027 và 1.000 cửa hàng vào năm 2030. Tuy nhiên, đóng góp vào lợi nhuận hợp nhất hiện vẫn không đáng kể do hoạt động kinh doanh vẫn đang trong giai đoạn đầu phát triển.

**Tăng trưởng doanh thu trong tháng 7-8/2026 chậm lại còn 23% svck,** phản ánh mức tăng trưởng thấp hơn ở ngành hàng điện máy, dù đã được bù đắp một phần bởi tăng trưởng doanh số laptop tích cực nhờ nhu cầu liên quan đến AI.

Dự báo lợi nhuận giai đoạn 2026-2027

Lợi nhuận dự kiến tăng mạnh trong năm 2026, trước khi đà tăng giảm dần trong năm 2027: Chúng tôi dự báo lợi nhuận ròng tăng 71% svck lên 9,9 nghìn tỷ đồng trong năm 2026, chủ yếu nhờ:

- Chu kỳ nâng cấp/thay mới sản phẩm công nghệ. Chúng tôi kỳ vọng việc tích hợp AI sẽ thúc đẩy nhu cầu thay thế phần cứng thiết bị, khi người tiêu dùng và doanh nghiệp cần các dòng laptop và điện thoại di động có năng lực xử lý, dung lượng bộ nhớ và tính năng AI cao hơn. Điều này sẽ góp phần thúc đẩy người dùng nâng cấp thiết bị sớm hơn so với chu kỳ thông thường.
- Nhu cầu mạnh đối với các sản phẩm điện máy giá trị lớn (TV và điều hòa), được hỗ trợ bởi sự kiện bóng đá World Cup và thời tiết nắng nóng trong hè 2026.
- Biên lợi nhuận cải thiện nhờ hàng tồn kho giá vốn thấp. Trong Q2/2026, việc tăng giá bán ở nhiều ngành hàng đã giúp DMX hưởng lợi từ lượng hàng tồn kho giá vốn thấp, qua đó hỗ trợ mở rộng biên lợi nhuận. Tuy nhiên, chúng tôi cho rằng đây là yếu tố hỗ trợ mang tính một lần và khó duy trì trong thời gian tới.

Trong năm 2027, tăng trưởng lợi nhuận dự kiến chậm lại còn 6% svck (đạt 10,5 nghìn tỷ đồng), chủ yếu do:

- Mức nền lợi nhuận cao trong năm 2026 và nhu cầu thay mới sản phẩm công nghệ hạ nhiệt sau chu kỳ nâng cấp được thúc đẩy bởi AI.
- Nhu cầu đối với các sản phẩm điện máy có thể suy giảm trong năm 2027, do không còn các sự kiện bóng đá lớn và điều kiện thời tiết mưa nhiều hơn, qua đó ảnh hưởng kém tích cực đến nhu cầu mua điều hòa.
- Mặt bằng lãi suất cao kéo dài có thể tiếp tục gây áp lực lên chi tiêu tiêu dùng, khi nghĩa vụ trả nợ vay mua nhà tăng lên làm giảm thu nhập khả dụng và hạn chế các khoản chi tiêu không thiết yếu, bao gồm các sản phẩm công nghệ & điện máy. Tuy nhiên, với vị thế dẫn đầu thị trường bán lẻ sản phẩm công nghệ & điện máy tại Việt Nam, DMX được hưởng lợi từ mạng lưới cửa hàng phủ rộng toàn quốc, quyền thương lượng với nhà cung cấp và quan hệ hợp tác với các công ty tài chính tiêu dùng. Những lợi thế này cho phép DMX cung cấp danh mục sản phẩm đa dạng hơn và các phương thức thanh toán linh hoạt, qua đó có thể tiếp tục gia tăng thị phần ngay cả trong bối cảnh sức mua của người tiêu dùng suy yếu.

|                          | 2024   | 2025    | 2026F   | 2027F   |
|--------------------------|--------|---------|---------|---------|
| Doanh thu (tỷ đồng)      | 89.500 | 105.734 | 131.343 | 140.677 |
| % svck                   |        | 18%     | 24%     | 7%      |
| Lợi nhuận ròng (tỷ đồng) | 3.717  | 5.802   | 9.937   | 10.501  |
| % svck                   |        | 56%     | 71%     | 6%      |

Nguồn: SSI Research

Áp dụng hệ số P/E mục tiêu năm 2027 là 10x, chúng tôi điều chỉnh tăng giá mục tiêu 1 năm đối với DMX lên 82.800 đồng/cổ phiếu (từ 78.000 đồng), tương đương tiềm năng tăng giá là 9%. Theo đó, chúng tôi duy trì khuyến nghị TRUNG LẬP đối với DMX.

PHỤ LỤC: BÁO CÁO TÀI CHÍNH NĂM

| Tỷ đồng                            | 2024   | 2025   | 2026F  | 2027F  |
|------------------------------------|--------|--------|--------|--------|
| Bảng cân đối kế toán               |        |        |        |        |
| + Tiền và các khoản tương đương    | 3.780  | 3.578  | 16.807 | 22.317 |
| + Đầu tư ngắn hạn                  | 19.463 | 20.414 | 20.414 | 20.414 |
| + Các khoản phải thu ngắn hạn      | 5.005  | 6.265  | 8.839  | 9.468  |
| + Hàng tồn kho                     | 18.446 | 22.759 | 25.653 | 27.695 |
| + Tài sản ngắn hạn khác            | 369    | 549    | 793    | 854    |
| Tổng tài sản ngắn hạn              | 47.063 | 53.566 | 72.506 | 80.747 |
| + Các khoản phải thu dài hạn       | 257    | 239    | 394    | 422    |
| + GTCL Tài sản cố định             | 1.625  | 840    | 491    | 490    |
| + Bất động sản đầu tư              | 0      | 0      | 0      | 0      |
| + Tài sản dài hạn dở dang          | 5      | 54     | 54     | 54     |
| + Đầu tư dài hạn                   | 242    | 1.771  | 1.771  | 1.771  |
| + Tài sản dài hạn khác             | 280    | 446    | 689    | 738    |
| Tổng tài sản dài hạn               | 2.409  | 3.351  | 3.398  | 3.476  |
| Tổng tài sản                       | 49.472 | 56.916 | 75.904 | 84.223 |
| + Nợ ngắn hạn                      | 29.956 | 39.116 | 52.207 | 56.363 |
| Trong đó: vay ngắn hạn             | 19.930 | 23.429 | 30.741 | 33.188 |
| + Nợ dài hạn                       | 0      | 0      | 0      | 0      |
| Trong đó: vay dài hạn              | 0      | 0      | 0      | 0      |
| Tổng nợ phải trả                   | 29.956 | 39.116 | 52.207 | 56.363 |
| + Vốn góp                          | 4.362  | 11.013 | 12.677 | 12.677 |
| + Thặng dư vốn cổ phần             | 0      | 0      | 0      | 0      |
| + Lợi nhuận chưa phân phối         | 15.155 | 5.714  | 9.947  | 14.109 |
| + Quỹ khác                         | 0      | 1.073  | 1.073  | 1.073  |
| Vốn chủ sở hữu                     | 19.516 | 17.801 | 23.697 | 27.860 |
| Tổng nợ phải trả và vốn chủ sở hữu | 49.472 | 56.916 | 75.904 | 84.223 |
| Lưu chuyển tiền tệ                 |        |        |        |        |
| Dòng tiền từ hoạt động kinh doanh  | 6.243  | 5.017  | 10.207 | 9.651  |
| Dòng tiền từ hoạt động đầu tư      | -3.477 | 12     | -250   | -250   |
| Dòng tiền từ hoạt động tài chính   | -3.126 | -5.231 | 3.272  | -3.891 |
| Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ     | -360   | -202   | 13.229 | 5.510  |
| Tiền đầu kỳ                        | 4.140  | 3.780  | 3.578  | 16.807 |
| Tiền cuối kỳ                       | 3.780  | 3.578  | 16.807 | 22.317 |
| Các hệ số khả năng thanh toán      |        |        |        |        |
| Hệ số thanh toán hiện hành         | 1,57   | 1,37   | 1,39   | 1,43   |
| Hệ số thanh toán nhanh             | 0,94   | 0,77   | 0,88   | 0,93   |
| Hệ số thanh toán tiền mặt          | 0,78   | 0,61   | 0,71   | 0,76   |
| Nợ ròng / EBITDA                   | -0,22  | -0,22  | -0,25  | -0,54  |
| Khả năng thanh toán lãi vay        | 7,80   | 8,49   | 10,62  | 10,42  |
| Ngày phải thu                      | 1,1    | 1,1    | 1,5    | 1,8    |
| Ngày phải trả                      | 28,2   | 32,5   | 40,4   | 45,7   |
| Ngày tồn kho                       | 87,8   | 83,6   | 83,3   | 85,1   |
| Cơ cấu vốn                         |        |        |        |        |
| Vốn chủ sở hữu/Tổng tài sản        | 0,39   | 0,31   | 0,31   | 0,33   |
| Nợ phải trả/Tổng tài sản           | 0,61   | 0,69   | 0,69   | 0,67   |
| Nợ phải trả/Vốn chủ sở hữu         | 1,53   | 2,20   | 2,20   | 2,02   |
| Nợ/Vốn chủ sở hữu                  | 1,02   | 1,32   | 1,30   | 1,19   |
| Nợ ngắn hạn/Vốn chủ sở hữu         | 1,02   | 1,32   | 1,30   | 1,19   |

Nguồn: DMX, SSI Research

| Tỷ đồng                           | 2024    | 2025    | 2026F    | 2027F   |
|-----------------------------------|---------|---------|----------|---------|
| Báo cáo kết quả kinh doanh        |         |         |          |         |
| Doanh thu thuần                   | 93.357  | 109.479 | 131.343  | 93.357  |
| Giá vốn hàng bán                  | -76.267 | -89.992 | -106.004 | -76.267 |
| Lợi nhuận gộp                     | 17.089  | 19.487  | 25.339   | 17.089  |
| Doanh thu hoạt động tài chính     | 1.673   | 1.843   | 2.676    | 1.673   |
| Chi phí tài chính                 | -701    | -973    | -1.291   | -701    |
| Thu nhập từ các công ty liên kết  | 0       | 0       | 0        | 0       |
| Chi phí bán hàng                  | -10.477 | -9.961  | -10.177  | -10.477 |
| Chi phí quản lý doanh nghiệp      | -2.456  | -3.179  | -4.125   | -2.456  |
| Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh | 5.084   | 7.240   | 12.422   | 5.084   |
| Thu nhập khác                     | -338    | 28      | 0        | -338    |
| Lợi nhuận trước thuế              | 4.747   | 7.269   | 12.422   | 4.747   |
| Lợi nhuận ròng                    | 3.717   | 5.802   | 9.937    | 3.717   |
| Lợi nhuận chia cho cổ đông        | 3.717   | 5.802   | 9.937    | 3.717   |
| Lợi ích của cổ đông thiểu số      | 0       | 0       | 0        | 0       |
|                                   |         |         |          |         |
| EPS cơ bản (VND)                  | 2.932   | 4.577   | 7.839    | 2.932   |
| Giá trị sổ sách (VND)             | 44.747  | 16.163  | 18.693   | 44.747  |
| Cổ tức (VND/cổ phiếu)             | N.a     | 4.000   | 4.500    | N.a     |
| EBIT                              | 5.445   | 8.239   | 13.713   | 5.445   |
| EBITDA                            | 6.531   | 9.014   | 14.313   | 6.531   |
| Tăng trưởng                       |         |         |          |         |
| Doanh thu                         | 7,5%    | 17,3%   | 20,0%    | 7,5%    |
| EBITDA                            | 50,9%   | 38,0%   | 58,8%    | 50,9%   |
| EBIT                              | 89,1%   | 51,3%   | 66,4%    | 89,1%   |
| Lợi nhuận ròng                    | 176,2%  | 56,1%   | 71,3%    | 176,2%  |
| Vốn chủ sở hữu                    | 5,2%    | -8,8%   | 33,1%    | 5,2%    |
|                                   |         |         |          |         |
| Vốn điều lệ                       | 0,0%    | 152,5%  | 15,1%    | 0,0%    |
|                                   |         |         |          |         |
| Tổng tài sản                      | 6,6%    | 15,0%   | 33,4%    | 6,6%    |
|                                   |         |         |          |         |
| Định giá                          |         |         |          |         |
| P/E                               | 27,3    | 17,5    | 9,6      | 27,3    |
| P/B                               | 5,2     | 5,7     | 4,0      | 5,2     |
| Giá/Doanh thu                     | 1,1     | 0,9     | 0,7      | 1,1     |
| Tỷ suất cổ tức                    | N,a     | N,a     | 6,0%     | N,a     |
| EV/EBITDA                         | 15,0    | 11,2    | 6,2      | 15,0    |
| EV/Doanh thu                      | 1,1     | 0,9     | 0,7      | 1,1     |
| Các hệ số khả năng sinh lời       |         |         |          |         |
| Tỷ suất lợi nhuận gộp             | 18,3%   | 17,8%   | 19,3%    | 18,3%   |
| Tỷ suất lợi nhuận hoạt động       | 4,6%    | 6,0%    | 8,9%     | 4,6%    |
| Tỷ suất lợi nhuận ròng            | 4,0%    | 5,3%    | 7,6%     | 4,0%    |
| Chi phí bán hàng/Doanh thu thuần  | 11,2%   | 9,1%    | 7,7%     | 11,2%   |
| Chi phí quản lý/Doanh thu thuần   | 2,6%    | 2,9%    | 3,1%     | 2,6%    |
| ROE                               | 19,5%   | 31,1%   | 47,9%    | 19,5%   |
| ROA                               | 7,8%    | 10,9%   | 15,0%    | 7,8%    |
| ROIC                              | 10,9%   | 16,3%   | 22,9%    | 10,9%   |

## CAM KẾT PHÂN TÍCH

Chuyên viên phân tích trong báo cáo này cam kết rằng (1) quan điểm thể hiện trong báo cáo phân tích này phản ánh chính xác quan điểm cá nhân đối với chứng khoán và/hoặc tổ chức phát hành và (2) chuyên viên phân tích đã/ đang/sẽ được miễn trách nhiệm bồi thường trực tiếp hoặc gián tiếp liên quan đến khuyến nghị cụ thể hoặc quan điểm trong báo cáo phân tích này.

## KHUYẾN NGHỊ

**Mua:** Ước tính tiềm năng tăng giá lớn hơn hoặc bằng 10 điểm phần trăm so với mức tăng chung của thị trường trong 12 tháng tới.

**Khả quan:** Ước tính tiềm năng tăng giá dưới 10 điểm phần trăm so với mức tăng chung của thị trường trong 12 tháng tới.

**Trung lập:** Ước tính tiềm năng tăng giá tương đương so với mức tăng chung của thị trường trong 12 tháng tới.

**Kém khả quan:** Ước tính tiềm năng giảm giá dưới 10 điểm phần trăm so với mức tăng chung của thị trường trong 12 tháng tới.

**Bán:** Ước tính tiềm năng giảm giá lớn hơn hoặc bằng 10 điểm phần trăm so với mức tăng chung của thị trường trong 12 tháng tới.

Trong một số trường hợp, khuyến nghị dựa trên tiềm năng tăng giá 1 năm có thể được điều chỉnh lại theo ý kiến của chuyên viên phân tích sau khi cân nhắc một số yếu tố thị trường có thể làm ảnh hưởng đến giá cổ phiếu trong ngắn hạn và trung hạn.

## TUYÊN BỐ MIỄN TRỪ

Các thông tin, tuyên bố, dự báo và dự đoán trong báo cáo này, bao gồm cả các ý kiến đã thể hiện, được dựa trên các nguồn thông tin mà SSI cho là đáng tin cậy, tuy nhiên SSI không đảm bảo sự chính xác và đầy đủ của các thông tin này. Báo cáo không có bất kỳ thông tin nhạy cảm về giá chưa công bố nào. Các ý kiến thể hiện trong báo cáo này được đưa ra sau khi đã được xem xét kỹ càng và cẩn thận và dựa trên thông tin tốt nhất chúng tôi được biết, và theo ý kiến cá nhân của chúng tôi là hợp lý trong các trường hợp tại thời điểm đưa ra báo cáo. Các ý kiến thể hiện trong báo cáo này có thể thay đổi bất kỳ lúc nào mà không cần thông báo. Báo cáo này không và không nên được giải thích như một lời đề nghị hay lời kéo để đề nghị mua hay bán bất cứ chứng khoán nào. SSI và các công ty con và/ hoặc các chuyên viên, giám đốc, nhân viên của SSI và công ty con có thể có vị thế hoặc có thể ảnh hưởng đến giao dịch chứng khoán của các công ty được đề cập trong báo cáo này và có thể cung cấp dịch vụ hoặc tìm kiếm để cung cấp dịch vụ ngân hàng đầu tư cho các công ty đó.

Báo cáo này không được sử dụng dưới bất kỳ mục đích thương mại nào, và không được công bố công khai trên báo chí hay bất kỳ phương tiện nào khác nếu không được sự đồng ý của SSI. Người dùng có thể trích dẫn hoặc trình chiếu báo cáo cho các mục đích phi thương mại. SSI có thể có thỏa thuận cho phép sử dụng cho mục đích thương mại hoặc phân phối lại báo cáo với điều kiện người dùng trả phí cho SSI. SSI không chịu trách nhiệm đối với bất kỳ thiệt hại trực tiếp hay thiệt hại do hậu quả phát sinh từ việc sử dụng báo cáo này hay nội dung báo cáo này. Việc sử dụng bất kỳ thông tin, tuyên bố, dự báo, và dự đoán nào trong báo cáo này sẽ do người dùng tự quyết định và tự chịu rủi ro.

## THÔNG TIN LIÊN HỆ

### Trung tâm phân tích và tư vấn đầu tư

#### Phạm Lưu Hưng

Giám đốc Trung Tâm phân tích và tư vấn đầu tư

hungpl@ssi.com.vn

SĐT: (+84 – 24) 3936 6321 ext. 8711

#### Chiến lược thị trường

#### Đào Minh Châu

Phó giám đốc Trung tâm phân tích và tư vấn đầu tư

chaudm@ssi.com.vn

SĐT: (+84 – 28) 3636 3688

#### Phân tích Ngành Hàng tiêu dùng

#### Nguyễn Trần Phương Nga

Trưởng phòng Phân tích cổ phiếu

ngantp@ssi.com.vn

SĐT: (+84 – 28) 3636 3688

#### Dữ liệu

#### Nguyễn Thị Anh Thư

Chuyên viên hỗ trợ

thunta2@ssi.com.vn

SĐT: (+84 – 24) 3936 6321